

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/DS-ST

Ngày 08-9-2023

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu
cầu di dời tài sản trên đất, yêu cầu
bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Lợi

Bà Nguyễn Thúy Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Sầm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao
Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh
Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tiến hành xét xử sơ thẩm
công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2023/TLST-DS, ngày 23/02/2023 về việc “Tranh
chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về
tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXX-ST, ngày 16/8/2023,
giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nông Văn T (tức Đ), sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Đ,
xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Nông Văn T: Chị Nông Thị
N (theo Văn bản ủy quyền ngày 07/3/2023). Có mặt.

- Bị đơn: Anh Vy Văn H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh
Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Chu Thị C, sinh năm 1978 (vợ ông T). Có mặt.

2. Anh Nông Đức M, sinh năm 1998. Có mặt.

3. Chị Nông Thị N, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, thành phố L, tỉnh
Lạng Sơn. Có mặt.

4. Ông Vy Văn M, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn N - S, xã H, huyện C, tỉnh
Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. Bà Vi Thị S, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng

Son. Vắng mặt.

6. Ông Vy Văn T, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

7. Bà Mã Thị T, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

8. Chị Vi Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

9. Ông Hà Văn T1, sinh năm 1980 và bà Hà Thị L, sinh năm 1982; cùng trú tại: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

10. Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

11. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

12. Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lý Hồng Q, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Tô Thị G, chức vụ: Công chức Địa chính-Xây dựng (theo Giấy uỷ quyền ngày 30/8/2023 thay thế ông Nguyễn Đình X chuyên công tác), có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1953, trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Ông Hoàng Văn U, trú tại: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Ông Hà Văn T2, trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4. Ông Nông Văn D, sinh năm 1956, trú tại: Thôn B, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nông Văn T (tức Đ) trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất: Gia đình ông Nông Văn T có khu rừng Khuổi Khảm, thuộc thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Khu rừng này là do bố mẹ ông Nông Văn T là ông Nông Viết V và mẹ là Hoàng Thị S (đều đã chết) chia cho 03 anh em ông Nông Văn T là Nông Văn D, Nông Văn T và ông Nông Văn T. Khi chia có lập giấy chia đất cho 03 anh em mỗi người một phần đất vào năm 1992. Khu đất ông Nông Văn T được chia nằm trong thửa 368, tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 3, xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, ông Nông Văn T vẫn quản lý sử dụng thường xuyên. Năm 1995, ông Nông Văn T có làm 01 ngôi nhà trình tường nhà cấp 4, rộng khoảng 15m, mái lợp cỏ ranh và trồng trên khu đất tranh chấp khoảng 60 đến 80 cây sớ; trồng khoảng 10 cây thông, cây sớ hiện còn khoảng 30 cây, cây thông còn khoảng 06 cây, ngôi nhà hiện nay đã không còn do thời tiết bào mòn.

Năm 2002, gia đình ông Nông Văn T chuyển đến sinh sống tại thôn Đồng Ân, xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Hàng năm gia đình ông Nông Văn T vẫn đi phát quang tu bổ thường xuyên. Đến tháng 4 năm 2021, ông Vy Văn H đến tranh chấp và tự ý chặt phá 30 cây sỡ, 06 cây thông của gia đình ông Nông Văn T trồng từ năm 1995. Khi ông H chặt phá ông Nông Văn T có báo thôn đến nhưng thôn đến xem không lập biên bản. Ông Nông Văn T đã khởi kiện lên Tòa án và đã đi xem xét thẩm định đất tranh chấp. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đã kiểm đếm cây trên đất gồm có 450 cây hồi do ông Vy Văn H trồng năm 2020-2021, ông Nông Văn T đồng ý theo kết quả này. Sau khi ông H chặt phá, ông H đã trồng cây hồi con trên đất tranh chấp, ông Nông Văn T yêu cầu ông H di dời cây hồi con trên đất để trả lại đất cho ông Nông Văn T quản lý, sử dụng đất.

Theo đơn khởi kiện ban đầu ông Nông Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc gia đình ông Vy Văn H, chấm dứt hành vi tranh chấp diện tích khoảng 14.183m², thửa đất số 368, tờ bản đồ số 03, bản đồ đất lâm nghiệp xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

2. Yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng đất toàn bộ diện tích khoảng 14.183m², thửa đất số 368, tờ bản đồ số 03, bản đồ đất lâm nghiệp xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

3. Buộc gia đình ông Vy Văn H phải di dời toàn bộ cây hồi con đã trồng trên khu đất tranh chấp.

4. Yêu cầu gia đình ông Vy Văn H phải bồi thường thiệt hại về tài sản:

+ Cây sỡ 30 cây x 150.000 đồng = 4.500.000 đồng;

+ Cây thông 06 cây x 20.000 đồng = 1.200.000 đồng;

Tổng giá trị ông Vy Văn H phải bồi thường cho gia đình ông Nông Văn T là 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm nghìn đồng).

Sau khi xem mảnh trích đo ông Nông Văn T tự nguyện rút các diện tích không yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể:

1. Rút phần diện tích $S1 = S_{LMNOPTU} = 910,5m^2$ nằm trong các thửa 368, 369, 519, 523 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 3;

2. Rút phần diện tích $S3 = S_{EFG} = 415,1m^2$ nằm trong thửa 366, tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 3.

3. Rút phần yêu cầu bồi thường thiệt hại chặt cây trị giá 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm nghìn đồng).

Nay ông Nông Văn T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Yêu cầu được quản lý, sử dụng tổng diện tích là: $S = 8.818,1m^2$ nằm trong thửa 368 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 3, xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

2. Buộc gia đình ông Vy Văn H phải di dời 450 cây hồi con đã trồng trên khu đất tranh chấp.

3. Buộc gia đình ông Vy Văn H chấm dứt hành vi tranh chấp.

Đối với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản, kết quả mảnh trích đo địa chính của Công ty Cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn đã đo đạc và kết luận giám định tư pháp, ông Nông Văn T nhất trí.

Về chi phí tố tụng và án phí, ông Nông Văn T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

Bị đơn anh Vy Văn H trình bày: Nguồn gốc thửa đất của khu rừng Khuổi Khảm là của bà cụ để ra ông nội anh Vy Văn H từ Khuổi Khe làm dâu về nhà anh Vy Văn H, do bên ngoài của bà chia cho con gái đất rừng Khuổi Khảm và ông bà có chia cho bố anh Vy Văn H là ông Vy Văn T được quản lý, sử dụng. Hằng năm anh Vy Văn H vẫn thường xuyên đi trông coi. Trên đất có một số cây sỡ và một số cây thông do bố anh Vy Văn H trồng từ năm 1990; hiện nay trên đất có 450 cây hồi con do anh Vy Văn H trồng từ năm 2020 đến 2021 và trong năm 2021, anh Vy Văn H đã làm ranh giới tiếp giáp với rừng ông Hà Văn T1, Hà Văn T2, Nông Văn Tr. Sau khi anh Vy Văn H được xem mảnh trích đo địa chính số 42-2023, do Công ty tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn đo vẽ ngày 19/5/2023. Anh Vy Văn H cho rằng phần đất phía trên con đường tự mở thuộc thửa đất số 368, tờ bản đồ số 3 do ông Hà Văn T2 quản lý, sử dụng còn từ thời điểm nào thì anh Vy Văn H không biết. Do anh Vy Văn H và ông Hà Văn T2 tự thỏa thuận quản lý, sử dụng bằng miệng, không có cơ quan nào đứng ra giao thực hiện. Phần đất còn lại của thửa 368, tờ bản đồ số 3 năm 2020 gia đình anh Vy Văn H trồng hồi trên đất. Những năm trước bố anh Vy Văn H thường xuyên quản lý trông sỡ và thông, hiện tại những cây này đã khai thác hết không còn thông và sỡ.

Đối với việc ông Nông Văn T rút một phần yêu cầu khởi kiện:

1. Rút phần diện tích $S1 = S_{LMNOPTU} = 910,5m^2$ nằm trong các thửa 368, 369, 519, 523 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 3.

2. Rút phần diện tích $S3 = S_{EFG} = 415,1m^2$ nằm trong thửa 366 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 3.

3. Rút phần yêu cầu bồi thường thiệt hại 5.700.000đồng (năm triệu bảy trăm nghìn đồng).

Anh Vy Văn H đồng ý.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nông Văn T:

1. Yêu cầu được quản lý, sử dụng tổng diện tích $S = 8.818,1m^2$ nằm trong thửa 368, tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 3, xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

2. Buộc gia đình anh Vy Văn H phải di dời 450 cây hồi con đã trồng trên khu đất tranh chấp.

3. Buộc gia đình anh Vy Văn H chấm dứt hành vi tranh chấp.

Anh Vy Văn H không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện vì đất này do ông cha anh Vy Văn H để lại mặc dù không có giấy tờ chứng minh, chỉ là do bố anh Vy Văn H nói lại nhưng bố anh Vy Văn H bảo đã quản lý từ xưa đến nay. Anh Vy Văn H mong muốn Tòa án giải quyết vụ án này theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản, kết quả mảnh trích đo địa của Công ty cổ phần tư vấn Tài nguyên số 1 Lạng Sơn đã đo đạc và kết luận giám định tư pháp, anh Vy Văn H nhất trí.

Về chi phí tố tụng và án phí, anh Vy Văn H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vy Văn T trình bày: Ông nhất trí như ý kiến của con trai ông là Vy Văn H trình bày. Ông bổ sung thêm là nguồn gốc đất do của ông cha để lại cho gia đình ông quản lý, sử dụng từ xưa đến nay. Mặc dù đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình ông có trồng cây trên đất. Các yêu cầu khởi kiện của ông T đưa ra ông T không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết quy định pháp luật.

Đối với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản, kết quả mảnh trích đo địa của Công ty cổ phần tư vấn Tài nguyên số 1 Lạng Sơn đã đo đạc và kết luận giám định tư pháp, ông Vy Văn T nhất trí.

Về chi phí tố tụng và án phí, ông Vy Văn T nhất trí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn gồm: Bà Chu Thị C, anh Nông Đức M, chị Nông Thị N nhất trí với ý kiến của ông Nông Văn T, không có ý kiến khác, không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn gồm: Bà Mã Thị T, anh Vy Văn M, chị Vi Thị S, chị Vi Thị H nhất trí với ý kiến của anh Vy Văn H, không có ý kiến khác, không có yêu cầu độc lập. Chị Vi Thị H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã T, người đại diện theo ủy quyền bà Tô Thị G trình bày: Phần diện tích đất tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nông Văn T và bị đơn anh Vy Văn H có địa danh Khuổi Khảm, thuộc thôn Tân Tiến, xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; có các phía tiếp giáp: Phía Đông, phía Nam và phía Bắc giáp đất rừng, phía Tây giáp đất ruộng. Đất tranh chấp thuộc thửa 368, diện tích 14.185m² thuộc tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Thụy Hùng đo vẽ năm 2008, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm đo đạc bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2008, thửa đất trên không có hộ gia đình nào đứng ra nhận. Do vậy đơn vị lập sổ địa chính đã ghi UBND xã T là đại diện quản lý nhưng thực tế UBND xã T không sử dụng thửa đất trên. Tuy nhiên, hiện nay do gia đình ông Nông Văn T (Đ) quản lý. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn T1 và bà Hà Thị L khai: Gia đình ông bà có mảnh đất rừng số 366, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, có diện tích 2.206m²; có các phía tiếp giáp: Phía Đông giáp đất ông Hà Văn T2; phía Nam giáp đất anh Hoàng Văn V; phía Bắc giáp đường mòn dân sinh; phía Tây giáp thửa đất 368 đang có tranh chấp. Diện tích đất này do cha ông để lại và ngày 05/7/2010 đã được Ủy ban nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hà Văn T1 và bà Hà Thị L. Ngày 06/4/2023, khi Tòa án xuống đo đạc đất, ông

Nông Văn T đã chỉ sang đất nhà ông T1, bà L. Nay ông T, bà L yêu cầu ông T trả lại đất cho gia đình ông T1, bà L quản lý, sử dụng. Ông T1, bà L xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn N khẳng định thửa đất của ông là thửa 285, tờ bản đồ 84 (nay là thửa 305, tờ bản đồ số 3) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Văn N và Bé Thị L; địa danh: Chí Sláng, thôn Lũng Coọng, xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Trên thực địa nằm cách xa khu đất tranh chấp giữa ông Hoàng Văn T và ông Vy Văn H, không liên quan đến đất tranh chấp. Ông Hoàng Văn N xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn Tr khẳng định thửa đất của ông là thửa 284, tờ bản đồ 84 (nay là thửa 300, tờ bản đồ số 3); địa danh: Chí Sláng, thôn Lũng Coọng, xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Ông mua với ông Phùng Văn C năm 2022; đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên ông Phùng Văn C, ông chưa sang tên đổi chủ. Thửa đất trên thực địa nằm cách xa khu đất tranh chấp giữa ông T và ông H, không liên quan đến đất tranh chấp. Ông Hoàng Văn Tr xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng ông Nông Văn D khai: Ông D là anh trai ruột của ông T, có quen biết anh H và không có mâu thuẫn với hai bên. Nguồn gốc đất tranh chấp là do bố ông D là Nông Văn V, mẹ là Hoàng Thị S (đã chết năm 1982) hiện nay bố ông D khác sống một mình tại Khuổi Khe, xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; bố, mẹ ông D sinh được 05 anh, chị em, gồm: Ông Nông Văn D, ông Nông Văn T (đã chết khoảng năm 2018), ông Nông Văn P (đã chết), bà Nông Thị C; trú: Thôn Khuổi Khe, xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và Nông Văn T.

Năm 1992 bố, mẹ ông D chia cho 03 anh con trai tôi là Nông Văn D, Nông Văn Th, Nông Văn T một khu đất đồi liền kề với nhau, phần đất của ông Nông Văn T được chia 01 quả đồi giáp với đất ông Nông Văn Th, còn phần của ông Nông Văn D ở phía bên ngoài, phía bên dưới chân đồi, phía bên cạnh đều là ruộng đất của ông Nông Văn T, phía bên trên đỉnh đồi là đất của ai ông D không biết. Khi chia, bố ông D có làm giấy tờ viết tay cho 03 anh, em.

Sau khi chia đất xong, đất của ai thì người đó tự quản lý, đất của ông Nông Văn T trên đất có trồng cây sớ khoảng năm 1996 - 1997 và có làm túp lều trình tường để trông coi quản lý đất, trồng cây. Sau đó, do ông T làm nghề thịt lợn quay cũng bận rộn không thường xuyên đến đồi rừng để quản lý được nên bị mọi người lên đồi hái củi và chặt phá các cây sớ. Hiện nay, cây sớ do ông T trồng chỉ còn gốc mọc mầm cao khoảng 01 mét.

Từ khi bố chia đất cho 03 anh, em ông D đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đây là đất của gia đình ông D thì mấy anh, em ông D vẫn quản lý, sử dụng bình thường. Việc chưa được giấy chứng nhận quyền sử đất là do các cơ quan, chính quyền chưa có thông báo gì đến nhân dân để làm thủ tục.

Đối với anh Vy Văn H, ông D không có gì mâu thuẫn với nhau mà ông D cũng biết nhau, vì ông H cách chỗ ông D ở khoảng 02 km, anh H không có đất đai liền kề với đất của 03 anh, em ông D. Năm 2021-2022 tự nhiên ông H đến phát quang đồi rừng nhà ông T, gia đình ông T đã can ngăn không cho phát quang

nhưng anh H không dừng lại và hai bên dẫn đến tranh chấp. Ông D khẳng định thửa đất số 368, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc là đất của ông Nông Văn T được bố mẹ chia cho. Ông D mong Tòa án xem xét giải quyết cho ông T được quản lý và sử dụng.

Người làm chứng ông Hoàng Văn H khai: Nhà ông H ở khác xóm với anh Vy Văn H, đối với diện tích đất tranh chấp ông H chỉ biết là của ông H1 (ông cụ của Vy Văn H), còn có giấy tờ hay không ông H không biết. Ông H chỉ nhớ ngày xưa trên đó có các cây hồi to, ông H được chặt xẻ mang đi bán, ông H1 bảo đây là rừng của ông đây, không được chặt cây. Do vậy, ông H mới biết đó là rừng của ông H1. Nhà ông H cách rừng đang tranh chấp khoảng 800m đường chim bay. Việc hai bên tranh chấp nhau ông H không biết cho đến khi nhận được Giấy triệu tập của Tòa án ông H mới biết. Ông H xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Ngày 06/4/2023, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, kết quả như sau:

*) *Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc:*

1. Về đất:

- Tổng diện tích đất tranh chấp theo bị đơn ông Vy Văn H xác định: $S = 8.960,6m^2$;

- Tổng diện tích đất tranh chấp theo nguyên đơn xác định $S = S1 + S2 + S3 = 11.5484,8m^2$; trong đó:

+ $S1 = 910,5m^2$ nằm trong thửa 368, 369, 519, 523 tờ bản đồ lâm nghiệp số 3, xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

+ $S2 = 10.259,3m^2$ nằm trong thửa 368, tờ bản đồ lâm nghiệp số 3, xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

+ $S3 = 415,1m^2$ nằm trong thửa 366 tờ bản đồ lâm nghiệp số 3, xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

2. Tài sản gắn liền với đất gồm có: 450 cây hồi do gia đình anh Vy Văn H trồng năm 2020, 2021.

* *Kết quả định giá*

1. Đất:

- *Giá trị đất tính theo giá Nhà nước (nhóm I giá đất rừng sản xuất):* Diện tích $10.259,3m^2 \times 9.000đồng/m^2 = 92.333.000đồng$ (chín mươi hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

- *Giá trị đất tính theo giá thị trường tại thời điểm định giá:* Diện tích $10.259,3m^2 \times 15.000đồng/m^2 = 153.885.000đồng$ (một trăm năm mươi ba triệu tám trăm tám mươi năm nghìn đồng).

2. Giá trị tài sản gắn liền với đất: $450 \text{ cây hồi} \times 100.000đ/1 \text{ cây} = 45.000.000đ$ (bốn mươi năm triệu đồng).

* Tổng cộng giá trị đất và tài sản trên đất tính theo giá Nhà nước: $92.333.000đ_{(đất)} + 45.000.000đ_{(tài sản trên đất)} = 137.333.000đ$ (một trăm ba mươi bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

* Tổng cộng giá trị đất và tài sản trên đất (theo giá tham khảo giá thị trường): $153.885.000đ_{(đất)} + 45.000.000đ_{(tài sản trên đất)} = 198.885.000đ$ (một trăm chín mươi tám triệu tám trăm tám mươi năm nghìn đồng).

Sau khi có kết quả trích đo, nguyên đơn ông Nông Văn T (tức Đ) và bị đơn anh Vy Văn H thống nhất diện tích tranh chấp chỉ tại thực địa chính xác là 8.818,1m².

Ngày 05/7/2023, Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chồng ghép bản đồ, kết quả như sau:

1. Vị trí khu đất so với bản đồ địa chính tỷ lệ 1:1000 xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn:

Khu đất đang tranh chấp diện tích $S_{ABCDQRSTP} = 8.818,1m^2$ theo kết quả đo đạc tại mảnh trích đo địa chính số 42-2023 do Công ty Cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn thực hiện ngày 06/4/2023 thuộc tờ bản đồ địa chính số 84 và 93 tỷ lệ 1:1000 xã Thụy Hùng năm 2001. Cụ thể:

- Diện tích $S_5 = 5377,3m^2$ có vị trí đỉnh điểm 3-D-Q-R-S-6-5-4-2 thuộc thửa số 16, tờ bản đồ địa chính số 93;

- Diện tích $S_6 = 3,7m^2$ có vị trí đỉnh điểm 5-6-7 thuộc thửa số 51, tờ bản đồ địa chính số 93;

- Diện tích $S_7 = 1362,5m^2$ có vị trí đỉnh điểm 5-7-T-8-4 thuộc thửa số 150, tờ bản đồ địa chính số 84;

- Diện tích $S_8 = 2024,5m^2$ có vị trí đỉnh điểm 4-8-P-A-B-1-2 thuộc thửa số 284, tờ bản đồ địa chính số 84.

- Diện tích $S_9 = 50,1m^2$ có vị trí đỉnh điểm 1-2-3-C thuộc thửa số 285, tờ bản đồ địa chính số 84.

(Ranh giới, vị trí khu đất tranh chấp diện tích 8818,1m² so với bản đồ địa chính tỷ lệ 1:1000 xã Thụy Hùng năm 2001 và bản đồ địa chính đất lâm nghiệp tỷ lệ 1:10.000 xã Thụy Hùng năm 2008 theo Sơ đồ chồng, ghép bản đồ địa chính tỷ lệ 1:1000, 1:10.000 với khu đất tranh chấp kèm theo)

2. Vị trí khu đất so với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp tỷ lệ 1:10.000 xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn:

Khu đất đang tranh chấp diện tích $S_{ABCDQRSTP} = 8.818,1m^2$ theo kết quả đo đạc tại mảnh trích đo địa chính số 42-2023 do Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn thực hiện ngày 06/4/2023 nằm trong thửa đất số 368, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 3, tỷ lệ 1:10.000 xã Thụy Hùng năm 2008.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể: Mỗi bên sẽ quản lý, sử dụng 1/2 diện tích đất tranh chấp và 225 cây hồi trên đất. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Nông Văn T sẽ chịu toàn bộ. Nguyên đơn ông Nông Văn T sẽ thanh toán giá trị 225 cây hồi trên đất cho ông Vy Văn H với số tiền là 15.000.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng nghị án là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo các Điều 70, 71, 72, 73, 77 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nội dung vụ án, chi phí tố tụng và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nông Văn T khởi kiện anh Vy Văn H tranh chấp quyền sử dụng đất, di dời tài sản trên đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, đối với thửa số 368, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt chị Vi Thị H và người làm chứng ông Hoàng Văn H đã được triệu tập hợp lệ, đã có lời khai trong hồ sơ nhưng có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, anh Vy Văn H xác định anh mang họ Vy chứ không phải Vi. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án ghi họ của anh là Vi đề nghị ghi là chính xác là Vy. Đối với các chị H, chị S do ngày xưa đi khai sinh đã ghi họ là Vi nên giờ thống nhất họ tên của các chị là Vi Thị H, Vi Thị S. Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn anh Vy Văn H yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng là ông Hà Văn T và ông Hoàng Văn U tham gia tố tụng. Tuy nhiên, những người làm chứng này không đến Tòa án theo giấy triệu tập nên Hội đồng xét xử không xác định ông Hà Văn T2 và ông Hoàng Văn U là người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ông Nông Văn T khởi kiện yêu cầu được quản lý, sử dụng đất, yêu cầu bị đơn di dời tài sản trên đất, yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại về tài sản, nên xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản" theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nông Văn T rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Rút phần diện tích $S1 = S_{LMNOPTU} = 910,5m^2$ nằm trong các thửa 368, 369, 519, 523 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 3; rút phần diện tích $S3 = S_{EFG} = 415,1m^2$ nằm trong thửa 366 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 3; rút phần yêu cầu bồi thường thiệt hại chặt cây trị giá 5.700.000đồng. Xét thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn T. Ông Nông Văn T có quyền khởi kiện lại phần yêu cầu đã rút nếu có tranh chấp.

[5] Như vậy, xác định phần diện tích đất tranh chấp giữa ông Nông Văn T và anh Vy Văn H chỉ còn là $8.818,1m^2$ thuộc thửa đất số 368, tờ bản đồ số 3; địa danh: Khuổi Khảm, thôn Tân Tiến, xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Tài sản trên đất có 450 cây hồi do gia đình anh Vy Văn H trồng, trị giá 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

[6] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp: Phía nguyên đơn cho rằng được bố mẹ để chia có làm văn tự chia đất rừng vào năm 1992 nhưng văn bản này không có chính quyền địa phương xác nhận nên không có giá trị pháp lý. Phía bị đơn cho rằng là đất ông cha để lại nhưng không có giấy tờ chứng minh. Tại Công văn số 219/UBND ngày 14/3/2023 của Ủy ban nhân dân xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xác định thửa đất 368 do bố để ông Nông Văn T chia cho từ năm 1992 thuộc gia đình ông Nông Văn T quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, thửa đất này chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong sổ lâm bạ của Ủy ban nhân dân xã Thụy Hùng, thửa đất 368 do Ủy ban nhân dân xã đứng tên. Do đó chưa đủ cơ sở xác định nguồn gốc đất tranh chấp thuộc quyền quản lý của ai.

[7] Xét về quá trình quản lý, sử dụng đất: Nguyên đơn ông Nông Văn T khai năm 1995 có làm 01 ngôi nhà trình tường nhà cấp 4, rộng khoảng 15m, mái lợp cỏ ranh và trồng trên khu đất tranh chấp khoảng 60 đến 80 cây sớ; trồng khoảng 10 cây thông, cây sớ hiện còn khoảng 30 cây, cây thông còn khoảng 06 cây, ngôi nhà hiện nay đã không còn do thời tiết bào mòn. Nguyên đơn thường xuyên phát quang khu rừng. Bị đơn anh Vy Văn H khai: Khu đất này hằng năm anh Vy Văn H vẫn thường xuyên đi trông coi. Trên đất có một số cây sớ và một số cây thông do bố anh H trồng từ năm 1990; hiện nay trên đất có 450 cây hồi con do anh Vy Văn H trồng từ năm 2020 đến 2021. Năm 2021, anh H đã làm ranh giới tiếp giáp với rừng ông Hà Văn T1, Hà Văn T2, Nông Văn Tr. Quá trình xem xét thẩm định xác định trên đất không còn ngôi nhà trình tường do ông Nông Văn T; không còn có cây thông, cây sớ như các bên đương sự khai, chỉ còn có 450 cây hồi con do nhà anh Vy Văn H trồng năm 2020, 2021 thì phát sinh tranh chấp. Do vậy, chưa đủ căn cứ xác định nguyên đơn, bị đơn có quá trình quản lý, sử dụng đất.

[8] Tuy nhiên, phần đất tranh chấp hiện nay Ủy ban nhân dân xã không thực tế quản lý, không nằm trong quy hoạch, ranh giới thu hồi để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn huyện. Tại phiên tòa giữa ông Nông Văn T và anh Vy Văn H thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án. Xét thấy yêu cầu của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, chính đáng, giải tỏa được mâu thuẫn trong nhân dân, giữ gìn được tình cảm, tinh thần tương thân tương ái, đoàn kết của cộng đồng; không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức và pháp luật, phù hợp với Điều 5, Điều 10 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể:

[9] Về đất: Hộ gia đình ông Nông Văn T được quản lý, sử dụng 4.409,1m²; hộ gia đình anh Vy Văn H được quản lý, sử dụng 4.409,0m² đều thuộc thửa đất 368, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; địa danh: Khuổi Khảm, thôn Tân Tiến, xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; vị trí đỉnh thửa, các phía tiếp giáp sẽ được cụ thể tại Phụ lục mảnh trích đo địa chính của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn.

[10] Về tài sản trên đất: Hộ gia đình ông Nông Văn T được sở hữu 225 cây hồi; hộ gia đình anh Vy Văn H được sở hữu 225 cây hồi trên phần đất hai bên thỏa thuận. Ông Nông Văn T có trách nhiệm trả cho anh Vy Văn H 15.000.000 đồng tiền 225 cây hồi do anh Vy Văn H trồng.

[11] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 18.817.000 đồng ông Nông Văn T tự nguyện chịu.

[12] Về án phí: Vụ án này chỉ xem xét ai là người có quyền sở hữu về tài sản trên đất và tranh chấp quyền sử dụng đất nên các đương sự chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng. Mỗi bên chịu 1/2 án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch, cụ thể: Ông Nông Văn T chịu 150.000 đồng và anh Vy Văn H chịu 150.000 đồng để nộp vào Ngân sách nhà nước. Ông Nông Văn T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng được khấu trừ đi số tiền án phí phải nộp, trả lại ông Nông Văn T số tiền 150.000 đồng.

[13] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[14] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 3; Điều 7 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 202 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 5, Điều 10; khoản 3, 6, 9, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 1, 2, Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 244; Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nông Văn T (tức Đ) và anh Vy Văn H, cụ thể:

1. Về đất:

1.1. Hộ gia đình ông Nông Văn T (tức Đ) được quyền quản lý, sử dụng 4.409,1m² thuộc thửa đất số 368, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; địa danh: Khuổi Khảm, thôn Tân Tiến, xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, có vị trí đỉnh (AA'R'STP); phần diện tích đất này có các phía tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp phần còn lại của thửa đất số 368, tờ bản đồ số 3;
- Phía Bắc giáp phần còn lại của thửa đất số 368, tờ bản đồ số 3;
- Phía Nam giáp đường mòn;
- Phía Tây giáp đất ông Nông Xuân Th;

1.2. Hộ gia đình anh Vy Văn H được quyền quản lý, sử dụng 4.409,0m² thuộc thửa đất số 368, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; địa danh: Khuổi Khảm, thôn Tân Tiến, xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, có vị trí đỉnh (A'BCDQRR'); phần diện tích đất này có các phía tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp phần còn lại của thửa đất số 368, tờ bản đồ số 3;
- Phía Bắc giáp phần còn lại của thửa đất số 368, tờ bản đồ số 3;
- Phía Nam giáp đường mòn;

- Phía Tây giáp phần đất thửa 368 ông Nông Văn T được quyền quản lý, sử dụng.

(Có phụ lục mảnh trích đo địa chính khu đất kèm theo Bản án)

2. Về tài sản trên đất:

2.1. Hộ gia đình ông Nông Văn T (Đ) được quyền sở hữu, sử dụng 225 (hai trăm hai mươi lăm) cây thông trên phần diện tích đất 4.409,1m² thuộc thửa đất số 368, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; địa danh: Khuổi Khảm, thôn Tân Tiến, xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, có vị trí đỉnh (AAR'STP).

2.2. Hộ gia đình anh Vy Văn H được quyền sở hữu, sử dụng 225 (hai trăm hai mươi lăm) cây thông trên phần diện tích đất 4.409,0m² thuộc thửa đất số 368, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; địa danh: Khuổi Khảm, thôn Tân Tiến, xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, có vị trí đỉnh (A'BCDQRR').

2.3. Ông Nông Văn T có trách nhiệm thanh toán cho anh Vy Văn H giá trị 225 (hai trăm hai mươi lăm) cây thông là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Xác nhận ông Nông Văn T (Đ) đã thanh toán đủ cho anh Vy Văn H số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

3. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, hộ gia đình ông Nông Văn T (Đ); hộ gia đình anh Vy Văn H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

4. Đình chỉ xét xử phần diện tích $S1 = S_{LMNOPTU} = 910,5m^2$ nằm trong các thửa 368, 369, 519, 523 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 3; trên đất không có cây cối.

5. Đình chỉ xét xử phần diện tích $S3 = S_{EFG} = 415,1m^2$ nằm trong thửa 366 tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 3; trên đất không có cây cối.

6. Đình chỉ xét xử phần diện tích phần yêu cầu bồi thường thiệt hại chặt cây trị giá 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm nghìn đồng).

7. Ông Nông Văn T (Đ) có quyền khởi kiện lại các phần yêu cầu đã rút nếu có tranh chấp.

8. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 18.817.000 đồng (mười tám triệu tám trăm mười bảy nghìn). Trong đó: Chi phí đo đạc là 13.017.000 đồng (mười ba triệu không trăm mười bảy nghìn đồng); chi phí xem xét thẩm định, định giá là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) và chi phí giám định chôn ghép bản đồ là 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Nông Văn T (Đ) chịu toàn bộ chi phí này.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nông Văn T (Đ) chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và anh Vy Văn H chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách nhà nước. Ông Nông Văn T (Đ) đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001518, ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, được khấu trừ đi số tiền án phí phải nộp, trả lại ông Nông Văn T (Đ) số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

10. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

11. Quyền thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Lương Thị Mỹ Hạnh**